

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-12-2022

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh;
2. Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T - sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Danh Thanh B - sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà La Thị Nh - sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh K.

3.2. Chị Thị Út B - sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày: Tôi và anh B có tìm hiểu nhau trước được 6 - 7 tháng nên đến năm 2014 chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K vào ngày 27/01/2014.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 02 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường kiểm soát tôi, ghen tuông vô cớ, anh B có người khác bên ngoài nên vợ chồng mới xảy cãi vã và chúng tôi đã ly thân từ ngày 26/10/2021 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Danh Thanh B.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung tên Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 và Danh Võ Bảo A2 - sinh ngày 24/10/2016, hiện nay cháu Thùy A1 đang sống với anh B còn cháu Bảo A2 đang sống với tôi. Do đó, tôi đồng ý giao cháu Thùy A1 cho anh B được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục còn tôi yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo A2. Tôi không yêu cầu anh B cấp dưỡng và tôi cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng có 05 chỉ vàng 24k loại 98% nhưng do dịch bệnh anh B không gửi tiền về nuôi con nên đã bán để nuôi con hết. Đối với số tiền hụi 124.500.000 đồng thì tôi xác định có 29.500.000 đồng nhưng tôi đóng hụi chết và nuôi con hết, còn 95.000.000 đồng là tôi không có giữ. Do đó, hiện nay không còn tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng có nợ gồm ông Danh Thanh Ph là 13.000.000 đồng, bà La Thị Nh là 17.000.000 đồng và bà Thị Út B1 là 7.500.000 đồng nên vợ chồng tôi và bà Nh, bà B1 đã tự thỏa thuận với nhau là bà Nh, bà B1 không khởi kiện trong vụ án này nếu có tranh chấp thì bà Nh, bà B1 sẽ khởi kiện vợ chồng tôi trong vụ án khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ của ông Danh Thanh Ph thì vợ chồng tôi đã trả cho ông Ph xong.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là anh Danh Thanh B.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 và Danh Võ Bảo A2 - sinh ngày 24/10/2016, hiện nay cháu Thùy A1 đang sống với anh B còn cháu Bảo A2 đang sống với chị T. Do đó, tôi đồng ý giao cháu Thùy A1 cho anh B được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục còn tôi yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo A2. Tôi không yêu cầu anh B cấp dưỡng và tôi cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

Bị đơn anh Danh Thanh B trình bày: Tôi và vợ tôi có tìm hiểu nhau trước được 6 - 7 tháng nên đến năm 2014 chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K vào ngày 27/01/2014.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 02 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi có kiểm soát tôi, có ghen tuông nhưng vợ tôi có quen người khác, không thừa nhận, không giải thích được nên vợ chồng xảy cãi vã và chúng tôi đã ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Võ Thị T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 và Danh Võ Bảo A2 - sinh ngày 24/10/2016, hiện nay cháu Thùy A1 đang sống với tôi còn cháu Bảo A2 đang sống với vợ tôi. Do đó, tôi đồng ý giao cháu Bảo A2 cho vợ tôi được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục còn tôi yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thùy A1. Tôi không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng và tôi cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng có 07 chỉ vàng 24k loại 98% và 124.500.000 đồng tiền hụi. Hiện nay vợ tôi đang giữ 07 chỉ vàng và 29.500.000 đồng, còn bà mẹ vợ (bà La Thị Nh) mượn 95.000.000 đồng nên tôi yêu cầu chia

đôi số vàng và tiền trên nhưng vợ tôi xác định không có. Do đó, về tài sản chung thì vợ chồng tự nguyện thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Về nợ chung: Tôi vợ chồng xác định có nợ bà La Thị Nh là 2.000.000 đồng và bà Thị Út B1 là 7.500.000 đồng nên vợ chồng tôi và bà Nh, bà B1 đã tự thỏa thuận với nhau là bà Nh, bà Bé không khởi kiện trong vụ án này nếu có tranh chấp thì bà Nh, bà B1 sẽ khởi kiện vợ chồng tôi trong vụ án khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ của ông Danh Thanh Ph thì vợ chồng tôi đã trả cho ông Ph xong.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Võ Thị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung như trình bày trên tôi không có kiến thêm gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị Nh trình bày: Tôi là mẹ ruột của Võ Thị T còn Danh Thanh B là con rể. Về tiền và vàng của vợ chồng T, B thì tôi xác định là B có gửi tôi 05 chỉ vàng 24k loại 98% chứ không phải 07 chỉ vàng 24k loại 98% như B trình bày. Đồng thời, tôi đã giao lại cho Tiên hết 05 chỉ vàng này rồi và T sử dụng vào mục đích gì tôi không biết. Đối với số tiền 95.000.000 đồng mà B nói cho tôi mượn để cất nhà là không có vì tôi không biết số tiền này. Tôi khẳng định là không có mượn tiền của vợ chồng T và B mà vợ chồng T và B còn mượn tiền tôi. Hơn nữa, trước khi B đi làm ở thành phố thì vợ chồng T và B có mượn tôi là 2.000.000 đồng có mặt cả hai vợ chồng T và B. Sau khi B đi làm ở thành phố có gửi tiền về để cho T nuôi con nhưng không đủ nên T có mượn tiền tôi nhiều lần cộng lại là 15.000.000 đồng (mỗi lần là 1.000.000 đồng) và chỉ có T mượn thôi không có mặt B. Đồng thời, khi T mượn tôi 15.000.000 đồng thì tôi không có cho B biết là T mượn 15.000.000 đồng này. Lý do tôi không cho B biết là T sống với tôi và mỗi lần mượn là 1.000.000 đồng thấy số tiền cũng ít nên không cho B biết. T mượn tiền tôi sử dụng vào việc nuôi con.

Nay, vợ chồng T và B ly hôn thì tôi xác định hiện nay còn thiếu tôi tổng cộng là 17.000.000 đồng nhưng B thừa nhận là 2.000.000 đồng thì yêu cầu vợ chồng T và B trả cho tôi, còn 15.000.000 đồng B không thừa nhận thì T phải trả cho tôi hoặc tôi cho T luôn. Đồng thời, tôi không yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này mà tôi và vợ chồng T, B tự thỏa thuận với nhau số tiền 2.000.000 đồng này. Do đó, khi Tòa án hòa giải và xét xử thì tôi xin vắng mặt không tham gia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị Út B trình bày: Tôi là chị ruột của Danh Thanh B còn Võ Thị T là em dâu. Tôi có cho vợ chồng B và T mượn số tiền là 7.500.000 đồng là đúng sự thật. Ngoài ra vợ chồng anh B và chị T không có thiếu tôi số tiền nào khác.

Nay, tôi xác định hiện nay vợ chồng T và B còn thiếu chị là 7.500.000 đồng nên yêu cầu vợ chồng T và B phải trả cho tôi nhưng tôi và vợ chồng T và B sẽ tự thỏa thuận với nhau. Do đó, tôi không yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này mà tôi và vợ chồng T và B tự thỏa thuận với nhau nếu có tranh chấp thì tôi khởi kiện vợ chồng T và B thành vụ án khác. Đồng thời, khi Tòa án hòa giải và xét xử thì tôi xin vắng mặt không tham gia.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa **chị Võ Thị T và anh Danh Thanh Bình.**

Về con chung: Chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B xác định anh chị có 02 người con chung tên Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 và Danh Võ Bảo A2- sinh ngày 24/10/2016, hiện nay cháu Thùy A1 đang sống với anh B còn cháu Bảo A2 đang sống với chị T nên anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Thùy A1 cho anh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Bảo A2 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Thùy A1 cũng có nguyện vọng muốn sống với anh B. Do đó, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Võ Thị T và Danh Thanh B là giao cháu Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 cho anh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Danh Võ Bảo A2 - sinh ngày 24/10/2016 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Danh Võ Thùy A1 cũng có nguyện vọng muốn sống với anh B. **Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Võ Thị T là nguyên đơn và anh Danh Thanh B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị T và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh B là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị T xác lập quan hệ hôn nhân với anh Danh Thanh B vào năm 2014, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 27/01/2014, cho nên theo qui định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B tự nguyện thuận tình ly hôn nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của anh chị.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B xác định anh chị có 02 người con chung tên Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 và Danh Võ Bảo A2 - sinh ngày 24/10/2016, hiện nay cháu Thùy A1 đang sống với anh B còn cháu Bảo A2 đang sống với chị T nên anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi hôn ly hôn sẽ

giao cháu Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 cho anh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Danh Võ Bảo A2 - sinh ngày 24/10/2016 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Danh Võ Thùy A1 cũng có nguyện vọng muốn sống với anh B. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B về con chung.

Chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị T và anh B thừa nhận còn thiếu bà La Thị Nh số tiền là 2.000.000 đồng và chị Thị Út B số tiền là 7.500.000 đồng.

Đồng thời, giữa chị T, anh B và bà La Thị Nh, chị Thị Út B thống nhất tự nguyện thỏa thuận với nhau về số tiền mà chị T, anh B thiếu bà và chị. Do đó, bà Nh và chị B1 sẽ không yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện chị T và anh B thành vụ án khác nên HĐXX không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe ý kiến và xem xét lời trình của nguyên đơn, bị đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về hôn nhân; về con chung; về tài sản chung và nợ chung, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Võ Thị T phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008962, ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Võ Thị T và Danh Thanh B là giao cháu Danh Võ Thùy A1 - sinh ngày 12/8/2014 cho anh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Danh Võ Bảo A2 - sinh ngày 24/10/2016 cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu Danh Võ Thùy A1 cũng có nguyện vọng muốn sống với anh B.

Chị Võ Thị T và anh Danh Thanh B có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có

quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX Miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Võ Thị T phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008962, ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 12/12/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh